

Bản án số: 344/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 04 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
2. Ông Huỳnh Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 411/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu L, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 18/1C ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 409/88/53A đường T, khu phố 2, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Ngô Phương T, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: 18/1C ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2020, bản tự khai ngày 15/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu L trình bày:

Bà và ông Ngô Phương T tự nguyện tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại 18/1C ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không còn tình cảm. Vợ chồng đã

sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông T.

- Về con chung: 02 người con tên Ngô Trần Quỳnh A, sinh ngày 31/3/2003 và trẻ Ngô Trần Quốc A1, sinh ngày 17/02/2006. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A1 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Phía nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân và căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 85 Quyền số 1/2000 ngày 11/7/2000 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà L: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Bà L khai sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không còn tình cảm. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông T vẫn cố tình tránh né không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau và hai người đã không chung sống hơn 03 năm, một quãng thời gian dài mà hai bên không có biện pháp hàn gắn, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà L và ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được

nên không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà L và ông T có 02 con chung tên Ngô Trần Quỳnh A, sinh ngày 31/3/2003 và Ngô Trần Quốc A1, sinh ngày 17/02/2006. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ A1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; đồng thời trẻ A1 cũng có nguyện vọng sống chung với bà L. Do đó có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị Thu L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thu L được ly hôn với ông Ngô Phương T.

2. Về con chung: Giao trẻ Ngô Trần Quốc A1, sinh ngày 17/02/2006 cho bà Trần Thị Thu L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông Ngô Phương T cho đến khi có yêu cầu của bà Trần Thị Thu L.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Trần Thị Thu L phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà L đã nộp theo biên lai số 0074940 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Phụng